



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 44
8. Phụ lục	45 - 49

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Điện thoại : (0290) 3.831.608
Fax : (0290) 3.832.297

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMX.2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 01 tháng 4 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0138/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2020



Nguyễn Hữu Nghi – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		958.063.343.780	601.383.970.638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.679.568.000	3.609.386.523
1. Tiền	111		28.121.544.027	3.609.386.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.558.023.973	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		323.340.016.664	163.907.560.307
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78.591.427.317	85.534.811.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	225.193.849.888	66.901.802.816
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	38.419.133.635	26.955.320.819
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.864.394.176)	(15.484.374.665)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		580.796.556.588	420.979.070.288
1. Hàng tồn kho	141	V.7	610.819.212.044	420.979.070.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(30.022.655.456)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.247.202.528	12.887.953.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	327.459.321	1.057.587.552
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.277.652.276	4.310.608.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	7.642.090.931	7.519.757.065
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		465.732.561.337	274.918.693.875
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.774.172.020	1.305.108.420
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.774.172.020	1.305.108.420
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.583.968.398	137.162.176.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	164.882.243.873	135.200.475.518
- Nguyên giá	222		404.614.370.782	352.684.514.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.732.126.909)	(217.484.038.703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	40.211.461.814	-
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.212.858.444)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	490.262.711	1.961.700.546
- Nguyên giá	228		5.519.613.542	9.245.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.029.350.831)	(7.283.404.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		179.384.417.595	129.654.459.128
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	179.384.417.595	129.654.459.128
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		57.067.376.181	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	42.055.546.848	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.724.158.784	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.712.329.451)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.922.627.143	6.796.950.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.039.355.835	4.895.292.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	883.271.308	1.901.657.940
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.423.795.905.117	876.302.664.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.079.327.808.580	737.884.594.797
I. Nợ ngắn hạn	310		1.036.621.713.214	729.580.053.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	339.600.410.888	286.570.412.768
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5.900.709.534	3.845.374.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.569.697.073	16.544.915.573
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.821.667.515	6.746.253.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.590.165.695	399.559.703
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	23.187.558.093	22.167.886.496
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	638.936.452.500	392.290.599.424
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		42.706.095.366	8.304.541.336
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	42.256.095.366	7.851.395.686
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	3.145.650
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		344.468.096.537	138.418.069.716
I. Vốn chủ sở hữu	410		344.468.096.537	138.418.069.716
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	5.106.126.126	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	25.899.534.021	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.108.777.051	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.790.756.970	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23a	179.254.872.554	2.101.728.829
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.423.795.905.117	876.302.664.513



Lữ Hồng Lam
Người lập



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

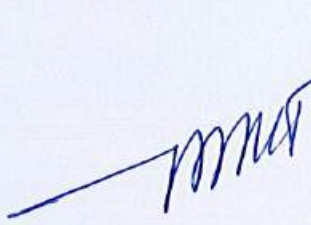
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	958.169.121.975	1.062.838.261.171		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.2	7.036.998.488	635.416.906		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	951.132.123.487	1.062.202.844.265		
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.3	750.497.423.337	867.949.038.021		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	200.634.700.150	194.253.806.244		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.4	6.036.056.006	5.142.406.979		
7. Chi phí tài chính	22 VI.5	44.686.844.132	31.788.526.930		
Trong đó: chi phí lãi vay	23	35.318.876.083	25.952.390.226		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24 V.2b	336.638.578	-		
9. Chi phí bán hàng	25 VI.6	41.752.168.510	31.389.939.594		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.7	49.261.010.742	40.343.494.044		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	71.307.371.350	95.874.252.655		
12. Thu nhập khác	31 VI.8	23.017.792.272	1.129.143.630		
13. Chi phí khác	32 VI.9	1.886.304.258	3.251.307.234		
14. Lợi nhuận khác	40	21.131.488.014	(2.122.163.604)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	92.438.859.364	93.752.089.051		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.16	13.673.575.620	14.434.035.357		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52 VI.10	1.015.240.982	(1.450.298.737)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>77.750.042.762</u>	<u>80.768.352.431</u>		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	<u>41.138.984.390</u>	<u>80.720.777.026</u>		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	<u>36.611.058.372</u>	<u>47.575.405</u>		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.11a	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 VI.11a	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>		



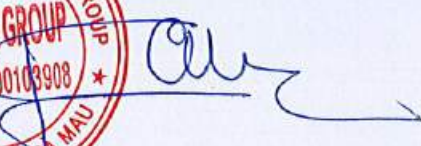
Lữ Hồng Lam
Người lập



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	92.438.859.364	93.752.089.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	28.931.610.890	23.095.661.581
- Các khoản dự phòng	03	35.115.004.418	(20.996.500.586)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	41.929.317	3.571.028
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.813.708.881)	(615.661.735)
- Chi phí lãi vay	06	35.318.876.083	25.952.390.226
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	174.032.571.191	121.191.549.565
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	109.995.638.799	818.067.417.682
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(189.067.099.051)	(35.201.477.286)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(127.787.629.529)	(843.206.334.453)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.865.185.281)	(2.133.509.223)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.120.641.222)	(25.912.001.057)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.180.006.112)	(4.137.844.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(80.992.351.205)	28.667.800.381
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(161.057.339.419)	(28.888.503.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	27.000.000.000	615.661.735
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.150.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	333.777.398	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(163.873.562.021)	(28.272.841.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

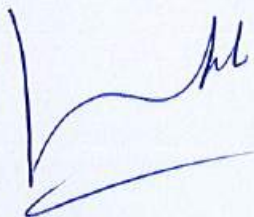
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

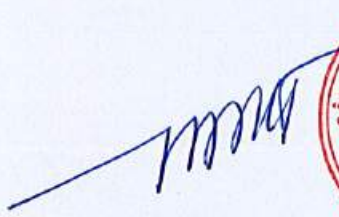
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33 V.20a,b	1.878.840.496.309
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34 V.20a	(1.587.871.159.601)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.20b	(10.040.147.619)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.071.408.180)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.676.449.701)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	8.221.033.794
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	64.802.430
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	3.609.386.523



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Công ty TNHH Thủy sản Camimex đã chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Camimex từ ngày 14 tháng 02 năm 2019. Đồng thời, Công ty Cổ phần Camimex tăng vốn cổ phần đã đăng ký phát hành bằng cách phát hành thêm 3.820.000 cổ phiếu thường, trong đó có 1.500.000 cổ phiếu từ quỹ khen thưởng và 2.320.000 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Camimex. Công ty Cổ phần Camimex đã tăng vốn điều lệ từ 416.800.000.000 VND lên 555.000.000.000 VND. Công ty mẹ không mua cổ phiếu phát hành thêm nên tỷ lệ quyền biểu quyết giảm xuống còn 75,09%.

Trong năm, Công ty Cổ phần Camimex Organic đã tăng vốn điều lệ lên thành 50.500.000.000 VND và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 08 tháng 8 năm 2019. Công ty mẹ không mua cổ phiếu phát hành thêm nên tỷ lệ quyền biểu quyết giảm xuống còn 99,22%.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Camimex)	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	75,09%	99,99%	75,09%	99,99%
Công ty Cổ phần Camimex Organic (tên cũ là Công ty TNHH MTV sản xuất Tôm giống sinh thái – Camimex)	Áp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống	81,1%	100%	99,22%	100%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics (tên cũ là Công ty CP Camimex SG)	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh, vận chuyển hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 918 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 802 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TRONG NĂM

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	23.410.263.072	775.030.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.711.280.955	2.834.356.451
Các khoản tương đương tiền	11.558.023.973	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	11.558.023.973	-
Cộng	<u>39.679.568.000</u>	<u>3.609.386.523</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Dài hạn</i>				
Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	41.718.908.270	-
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	336.638.578	-
Cộng	<u>42.055.546.848</u>	<u>-</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001309274 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Foods 49.000.000.000 VND, tương đương 37,69% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã đầu tư 41.718.908.270 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Foods là 41.718.908.270 VND, số còn phải góp thêm là 7.281.091.730 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Góp vốn	41.718.908.270
Phần lãi hoặc lỗ	336.638.578
Số cuối năm	<u>42.055.546.848</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết mới đi vào hoạt động kinh doanh trong năm nay.

Giao dịch với công ty liên kết

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Cổ phần Camimex Foods là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>
Góp vốn bằng tài sản cố định	17.568.908.270
Góp vốn bằng tiền	24.150.000.000
Doanh thu gia công	4.176.390.056

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn ⁽ⁱ⁾	10.724.158.784	(1.712.329.451)	9.011.829.333	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	<u>11.724.158.784</u>	<u>(1.712.329.451)</u>	<u>9.011.829.333</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Trong năm Tập đoàn đã mua 501.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn với giá mua là 21.388 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 501.400 cổ phiếu, tương đương 10,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã đầu tư 1.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.712.329.451
Số cuối năm	<u>1.712.329.451</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.270.235.684	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	1.270.235.684	-
Phải thu các khách hàng khác	77.321.191.633	85.534.811.337
Mazzetta	11.410.656.558	11.432.875.491
H.T.Foods Pvt Ltd	2.625.046.412	5.127.662.709
LP Foods Pte Ltd	-	4.289.463.750
Thalassa Seafoods Nv	3.279.031.680	-
Các khách hàng khác	60.006.456.983	64.684.809.387
Cộng	<u>78.591.427.317</u>	<u>85.534.811.337</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	122.809.049.368	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	305.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	122.504.049.368	-
Trả trước cho người bán khác	102.384.800.520	66.901.802.816
CMC Seafood Corporation	2.389.180.590	2.948.430.590
Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An	11.168.285.654	-
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt	-	8.865.540.075
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường	23.871.162.000	10.669.246.599

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giang Ông Huỳnh Công Nhân	40.005.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	24.951.172.276	44.418.585.552
Cộng	<u>225.193.849.888</u>	<u>66.901.802.816</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	3.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Các khoản chi hộ	3.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	38.416.133.635	(456.662.398)	26.955.320.819	(511.500.129)
H.T.Foods pvt Ltd - Phải thu tiền xuất khẩu ủy thác	9.293.750.223	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	17.804.314.615	-	16.720.772.233	-
Phải thu khác	11.318.068.797	(456.662.398)	10.234.548.586	(511.500.129)
Cộng	<u>38.419.133.635</u>	<u>(456.662.398)</u>	<u>26.955.320.819</u>	<u>(511.500.129)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

		<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>		<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>
Các tổ chức và cá nhân khác						
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	11.410.656.558	-	Trên 3 năm	11.432.875.491	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		7.453.737.618	-		4.051.499.174	-
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.090.710.590	-	Trên 3 năm	1.106.465.005	-
Phải thu khác	Trên 3 năm	456.662.398	-	Trên 3 năm	511.500.129	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	5.906.364.630	-	Trên 3 năm	2.433.534.040	-
Cộng		<u>18.864.394.176</u>	-		<u>15.484.374.665</u>	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.484.374.665	15.219.539.671
Trích lập dự phòng bổ sung	3.448.509.009	264.834.994
Xử lý xóa sổ	(68.489.498)	-
Số cuối năm	<u>18.864.394.176</u>	<u>15.484.374.665</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.191.491.065	-	9.002.350.661	-
Công cụ, dụng cụ	1.919.971.952	-	1.497.805.612	-
Thành phẩm	597.707.749.027	(30.022.655.456)	410.478.914.015	-
Cộng	610.819.212.044	(30.022.655.456)	420.979.070.288	-

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 96.600.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	30.022.655.456	-
Số cuối năm	30.022.655.456	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	129.085.246	354.816.669
Chi phí sửa chữa	72.680.742	576.270.147
Chi phí thuê nhà	101.000.000	56.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.693.333	70.500.736
Cộng	327.459.321	1.057.587.552

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.068.716.664	418.776.602
Chi phí sửa chữa	5.831.765.149	2.822.465.401
Tiền thuê đất	1.220.806.302	1.256.889.246
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.918.067.720	397.161.074
Cộng	14.039.355.835	4.895.292.323

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 63.769.379.286 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	-
Số đầu năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị		
Thuê tài chính trong năm			45.424.320.258
Số cuối năm			45.424.320.258
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm			-
Khấu hao trong năm			5.212.858.444
Số cuối năm			5.212.858.444
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			-
Số cuối năm			40.211.461.814
11. Tài sản cố định vô hình			
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.736.905.542	508.200.000	9.245.105.542
Thanh lý, nhượng bán	(3.725.492.000)	-	(3.725.492.000)
Số cuối năm	5.011.413.542	508.200.000	5.519.613.542
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	408.200.000	1.226.720.475
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.872.427.218	410.977.778	7.283.404.996
Khấu hao trong năm	452.380.932	33.333.336	485.714.268
Thanh lý, nhượng bán	(2.739.768.433)	-	(2.739.768.433)
Số cuối năm	4.585.039.717	444.311.114	5.029.350.831
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.864.478.324	97.222.222	1.961.700.546
Số cuối năm	426.373.825	63.888.886	490.262.711

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 426.373.825 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang xem phụ lục 02 đính kèm.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 5.087.501.730 VND (số đầu năm là 6.641.020.885 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ				
<i>Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ</i>	17.827.854	7.558.268	-	25.386.122
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện</i>	<u>1.883.830.086</u>	<u>(380.106.236)</u>	<u>(645.838.664)</u>	<u>857.885.186</u>
Cộng	<u>1.901.657.940</u>	<u>(372.547.968)</u>	<u>(645.838.664)</u>	<u>883.271.308</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% và 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>16.824.120.200</u>	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	16.824.120.200	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>322.776.290.688</u>	<u>286.570.412.768</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	-	10.107.554.825
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	45.456.414.061	-
Trạm thu mua Kiên Giang	-	7.078.488.974
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau	-	1.413.083.000
Ulka Seafoods (P) Ltd	8.984.063.120	26.307.389.280
Interseas., Ltd	28.856.141.067	-
Aqua Geno Exim, Ltd	34.114.935.780	-
Trạm sinh thái 184	14.694.460.446	1.583.641.375
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Lộc	-	529.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	1.681.992.719	2.342.342.271
Công ty TNHH Thương mại Thái Minh Hưng	-	363.910.000
Các nhà cung cấp khác	<u>188.988.283.495</u>	<u>236.844.138.043</u>
Cộng	<u>339.600.410.888</u>	<u>286.570.412.768</u>

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Tôm sinh thái	1.314.383.760	1.314.383.760
Các nhà cung cấp khác	<u>1.508.626.837</u>	<u>2.429.980.579</u>
Cộng	<u>2.823.010.597</u>	<u>3.744.364.339</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Bidfood Procurement Community., Ltd	3.273.155.505	-
Lp Foods Pte., Ltd	867.784.940	-
Pacific Rich Resources limited	244.026.635	244.026.635
Verwijs Import Export BV	106.957.187	106.957.187
Shin Kwang Seafood Corp	460.196.100	468.388.602
Blue You Trading LLC	-	1.957.766.828
Figaro Ronen Import and Marketing., Ltd	-	574.113.406
Các khách hàng khác	948.589.167	494.121.542
Cộng	<u>5.900.709.534</u>	<u>3.845.374.200</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Camimex Organic kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập từ các hoạt động khác các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group	2.817.518.581	4.226.282.209
Công ty Cổ phần Camimex	10.310.696.813	9.767.478.954
Công ty Cổ phần Camimex Organic	212.510.158	340.800.931
Công ty Cổ phần Camimex Logistic	332.850.068	99.473.263
Cộng	13.673.575.620	14.434.035.357

Thuế tài nguyên

Công ty Cổ phần Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Camimex Group phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	78.761.998
Ông Nguyễn An Ninh	-	78.761.998
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.187.558.093	22.089.124.498
Kinh phí công đoàn	4.087.788.664	3.474.106.887
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	9.273.255.206	9.142.796.502
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	650.000.000	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	383.939.441	904.524.926
Coop, Basel - Tiền mượn	7.884.521.247	7.252.877.078
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	898.137.956	1.004.903.526
Cộng	<u>23.187.558.093</u>	<u>22.167.886.496</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Coop, Basel - Tiền mượn ⁽ⁱ⁾	7.884.521.247	7.252.877.078
Kinh phí công đoàn ⁽ⁱ⁾	2.091.979.236	2.151.285.795
Bảo hiểm xã hội ⁽ⁱ⁾	2.630.296.548	2.262.153.736
Bảo hiểm y tế	3.159.930	238.553.908
Bảo hiểm thất nghiệp	1.242.758	79.517.970
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	44.761.905	44.761.905
Cộng	<u>12.655.961.624</u>	<u>12.029.150.392</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.⁽ⁱⁱ⁾ Khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>76.960.881.432</i>	<i>8.130.000.000</i>
Các cá nhân có liên quan - Tiền vay không lãi suất	18.673.250.000	8.130.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Tiền vay không lãi suất	58.287.631.432	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>561.975.571.068</i>	<i>384.160.599.424</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	344.390.316.724	310.848.451.920
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	57.035.713.540	51.526.974.773
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	113.396.975.982	118.498.885.575
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	89.686.662.888	89.684.512.004
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	43.507.711.315	51.138.079.568
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(v)	30.904.240.499	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau ^(vi)	9.859.012.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	95.128.626.475	53.726.276.504
<i>Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi</i>	<i>95.128.626.475</i>	<i>53.726.276.504</i>
Trái phiếu thường ngắn hạn ^(vii)	99.194.770.257	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	7.508.995.882	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	<u>15.752.861.730</u>	<u>19.585.871.000</u>
Cộng	<u>638.936.452.500</u>	<u>392.290.599.424</u>

(i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Group tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp các khoản phải thu khách hàng thông qua các quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.3).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc tại xí nghiệp 5 (xem thuyết minh số V.12) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

Công ty Cổ phần Camimex: để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).

Công ty Cổ phần Camimex Organic: vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh tôm nguyên liệu, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)

(iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

(iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc và tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

(v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xuất khẩu, Phụ lục Hợp đồng xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

với các đối tác và toàn bộ Hàng hóa là lô hàng thủy sản hình thành từ các hợp đồng đầu vào phục vụ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai.

- (vii) Trái phiếu thường của Công ty Cổ phần Camimex và có đảm bảo kỳ hạn 12 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	5.927.523.000	7.851.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	3.337.523.000	1.621.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	630.000.000	3.290.000.000
- Vay Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.960.000.000	2.940.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.800.000.000	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ^(iv)	8.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	27.528.572.366	-
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm.</i>	27.528.572.366	-
Cộng	42.256.095.366	7.851.395.686

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ phần máy móc thiết bị, thuộc Dự án đầu tư dây chuyền tằm tằm bột tự động với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 08 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, vật tư thiết bị để lắp đặt hệ thống kho lạnh 1.500 tấn thuộc xí nghiệp 5 với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 3 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m³/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và cầm cố Hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	20.720.384.730	14.792.861.730	5.927.523.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	9.760.000.000	960.000.000	8.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	35.037.568.248	7.508.995.882	27.528.572.366	-
Cộng	65.517.952.978	23.261.857.612	42.256.095.366	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	27.437.266.686	19.585.871.000	7.851.395.686	-
Cộng	27.437.266.686	19.585.871.000	7.851.395.686	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	7.508.995.882	27.528.572.366	-	35.037.568.248
Lãi thuê phải trả	2.562.232.118	2.857.632.333	-	5.419.864.451
Nợ thuê tài chính phải trả	10.071.228.000	30.386.204.699	-	40.457.432.699
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	-	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính phải trả	-	-	-	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	7.851.395.686	4.850.023.243	(760.835.929)	(6.013.060.000)	5.927.523.000
Vay dài hạn tổ chức khác	-	10.000.000.000	(240.000.000)	(960.000.000)	8.800.000.000
Nợ thuê tài chính	-	45.077.715.867	(10.040.147.619)	(7.508.995.882)	27.528.572.366
Cộng	7.851.395.686	59.927.739.110	(11.040.983.548)	(14.482.055.882)	42.256.095.366

20c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>
Các đơn vị khác						
Vay	8.779.801.730	-	8.779.801.730	13.761.040.000	-	13.761.040.000
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam -	8.779.801.730	-	8.779.801.730	13.761.040.000	-	13.761.040.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải ⁽¹⁾						
Cộng	8.779.801.730	-	8.779.801.730	13.761.040.000	-	13.761.040.000

- (1) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	16.000.000.000	(15.000.000.000)	1.513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	1.015.051.916	16.000.000.000	(15.000.000.000)	2.015.051.916

(*) Thường cho người lao động có công đóng góp lớn vào sự phát triển của Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.145.650	9.293.288
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	642.693.014	(6.147.638)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(645.838.664)	-
Số cuối năm	-	3.145.650

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (năm trước thuế suất là 10% và 20%).

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 05 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND.

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty TNHH thủy sản Camimex đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.000.000.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**24a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	37.980,44	85.772,50
Euro (EUR)	19,66	19,66

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u> <u>(VND)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(VND)</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Các khoản phải thu khách hàng	25.802.226	-	Không thu hồi được nợ
Các khoản phải thu khác	116.772.121	-	Không thu hồi được nợ
Cộng	142.574.347	-	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	483.913.836.867
Doanh thu bán thành phẩm	930.262.053.185	553.441.068.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.292.640.670	24.566.806.156
Doanh thu bán phụ phẩm	1.614.428.120	916.550.100
Cộng	958.169.121.975	1.062.838.261.171

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu gia công	175.051.845	-
Doanh thu bán thành phẩm	66.780.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	661.754.147	600.273.306
Hàng bán bị trả lại	6.333.072.816	35.143.600
Giảm giá hàng bán	42.171.525	-
Cộng	<u>7.036.998.488</u>	<u>635.416.906</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	419.864.750.088
Giá vốn của thành phẩm đã bán	700.736.000.831	461.693.068.453
Giá vốn dịch vụ gia công đã cung cấp	19.738.767.050	7.652.555.060
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	30.022.655.456	(21.261.335.580)
Cộng	<u>750.497.423.337</u>	<u>867.949.038.021</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	333.777.398	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.507.267	2.973.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.694.771.341	5.139.433.963
Cộng	<u>6.036.056.006</u>	<u>5.142.406.979</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	35.318.876.083	25.952.390.226
Chi phí phát hành trái phiếu	3.540.642.537	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.073.066.744	5.832.565.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.929.317	3.571.028
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.712.329.451	-
Cộng	<u>44.686.844.132</u>	<u>31.788.526.930</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.069.197.276	3.438.520.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	456.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.483.327	503.297.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.784.311.003	19.918.200.198
Các chi phí khác	8.688.176.904	7.529.465.068
Cộng	<u>41.752.168.510</u>	<u>31.389.939.594</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.571.166.587	14.947.329.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí vật liệu quản lý	1.095.668.398	728.196.832
Chi phí đồ dùng văn phòng	878.216.293	982.822.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.485.945.497	2.528.219.355
Thuế, phí và lệ phí	534.183.572	1.154.692.150
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.448.509.009	264.834.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.338.273	362.049.218
Các chi phí khác	23.846.983.113	19.375.349.671
Cộng	49.261.010.742	40.343.494.044
8. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.246.394.368	615.661.735
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản cố định đem góp vốn	233.537.115	-
Thu nhập khác	5.537.860.789	513.481.895
Cộng	23.017.792.272	1.129.143.630
9. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi quá hạn	48.740.450	18.794.499
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	312.941.800	244.788.924
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	855.258.817	2.446.783.504
Chi phí khác	669.363.191	540.940.307
Cộng	1.886.304.258	3.251.307.234
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	645.838.664	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	397.934.090	448.900.808
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(25.386.122)	(1.893.051.906)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.145.650)	(6.147.639)
Cộng	1.015.240.982	(1.450.298.737)
11. Lãi trên cổ phiếu		
11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	41.138.984.390	80.720.777.026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	41.138.984.390	80.720.777.026
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	872.226.668.158	1.198.924.280.683
Chi phí nhân công	97.147.049.789	87.172.826.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.931.610.890	23.095.661.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.853.712.307	88.863.993.429
Chi phí khác	44.913.769.470	36.802.686.300
Cộng	<u>1.114.072.810.614</u>	<u>1.434.859.448.451</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	15.000.000.000	-
Góp vốn bằng tài sản cố định	17.568.908.270	13.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền không lãi suất	140.924.250.000	172.680.000.000
Trả tiền vay không lãi suất	(130.196.000.000)	(170.130.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Camimex Group

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.008.214.054	714.357.780
Phụ cấp, thù lao	359.903.226	312.000.000
Cộng	1.368.117.280	1.026.357.780

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có thành viên có mối quan hệ mật thiết
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng	55.913.495.139	
Bán tài sản cố định	15.000.000.000	-
Mua tài sản cố định	15.000.000.000	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	(90.000.000.000)	-
Vay tiền không lãi suất	99.165.000.000	-
Trả tiền vay không lãi suất	(61.060.501.640)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.14a và V.20a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	41.620.768.465	54.538.052.757
Nước ngoài	909.511.355.022	1.007.664.791.508
Cộng	951.132.123.487	1.062.202.844.265

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 78.558.369.434 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đã làm việc với Ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay quá hạn và các Ngân hàng vẫn đang hỗ trợ tài chính cho các Công ty trong Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Lữ Hồng Lam
Người lập

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	104.541.106.454	215.205.601.319	29.773.611.405	3.164.195.043	352.684.514.221
Mua trong năm	15.519.998.184	47.221.452.880	8.502.555.456	1.575.000.000	72.819.006.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.335.371.155	-	-	-	2.335.371.155
Thanh lý, nhượng bán	(2.335.371.155)	(4.314.149.959)	-	-	(4.314.149.959)
Giảm do góp vốn	-	(15.000.000.000)	-	-	(17.335.371.155)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	-	-	-	(1.575.000.000)	(1.575.000.000)
Số cuối năm	120.061.104.638	243.112.904.240	38.276.166.861	3.164.195.043	404.614.370.782
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.321.252.315	51.565.189.366	2.512.156.357	1.400.618.359	71.799.216.397
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	65.032.392.498	138.449.723.741	11.598.102.920	2.403.819.544	217.484.038.703
Khấu hao trong năm	7.440.420.116	11.930.313.673	3.827.054.387	35.250.002	23.233.038.178
Thanh lý, nhượng bán	-	(958.699.972)	-	-	(958.699.972)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	-	-	-	(26.250.000)	(26.250.000)
Số cuối năm	72.472.812.614	149.421.337.442	15.425.157.307	2.412.819.546	239.732.126.909
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.508.713.956	76.755.877.578	18.175.508.485	760.375.499	135.200.475.518
Số cuối năm	47.588.292.024	93.691.566.798	22.851.009.554	751.375.497	164.882.243.873



Trang đó:
 Tam thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý

(Handwritten signature)

Lữ Hồng Lam
 Người lập

Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP


Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND


	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Thanh lý, nhượng bán	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Trình bày lại	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.517.830.081	30.954.808.986	-	-	-	(1.467.509.835)	31.005.129.232
Xây dựng cơ bản dở dang	128.136.629.047	71.914.438.348	(2.335.371.155)	(50.467.666.771)	(336.250.941)	1.467.509.835	148.379.288.363
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn - Xi nghiệp 5	6.641.020.885	-	(2.335.371.155)	-	-	781.852.000	5.087.501.730
- Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	(4.815.580.078)	-	685.657.835	-
- Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	(596.852.000)	-	-	-
- Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Máy móc thiết bị	46.386.047.761	70.287.513.348	-	(45.055.234.693)	-	-	71.618.326.416
- Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Chi phí xây dựng cơ bản	35.973.292.304	1.055.000.000	-	-	-	-	37.028.292.304
- Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục	19.637.839.872	-	-	-	(336.250.941)	-	19.301.588.931
- Công trình nâng cấp xi nghiệp 2	7.547.967.618	-	-	-	-	-	7.547.967.618
- Công trình máy ép Nobashi xi nghiệp 4	6.857.500.000	-	-	-	-	-	6.857.500.000
- Công trình lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động xi nghiệp 2	81.075.000	459.425.000	-	-	-	-	540.500.000
- Công trình lắp đặt phân mềm quản lý	267.500.000	112.500.000	-	-	-	-	380.000.000
- Tài sản cố định khác	17.611.364	-	-	-	-	-	17.611.364
Cộng	129.654.459.128	102.869.247.334	(2.335.371.155)	(50.467.666.771)	(336.250.941)	-	179.384.417.595



Lê Hồng Lam
 Người lập



Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc



 Công ty Cổ phần CAMIMEX GROUP
 Mã số thuế: 200001093000
 TP. CÀ MAU (T. C. M. V. N. C.)
 Ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Kết chuyển giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.188.586	-	1.217.182.869	(1.138.187.111)	-	295.184.344	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.504.074.899	(1.504.074.899)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.517.799.495	-	(124.291.436)	-	-	7.642.090.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.580.922.708	-	13.673.575.620	(10.180.006.112)	(4.226.282.209)	13.848.210.007	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.402.577.338	1.957.570	1.045.349.884	(1.026.843.330)	-	1.419.126.322	-
Tiền thuế đất	336.250.941	-	573.212.772	(734.836.106)	(174.627.607)	-	-
Thuế tài nguyên	8.976.000	-	118.342.800	(120.142.400)	-	7.176.400	-
Các loại thuế khác	-	-	38.055.236	(38.055.236)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	733.450.820	(693.538.070)	(39.912.750)	-	-
Cộng	16.544.915.573	7.519.757.065	18.903.244.900	(15.559.974.700)	(4.440.822.566)	15.569.697.073	7.642.090.931

Đơn vị tính: VND

(*) Giảm thuế TNDN phải nộp số tiền 4.226.282.209 VND do bù trừ với thuế GTGT được hoàn theo các Quyết định của Cục thuế tỉnh Cà Mau về việc hoàn thuế kèm bù trừ ngân sách Nhà nước.

(Signature)

Lữ Hồng Lam
 Người lập

(Signature)

Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 04: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	310.848.451.920	1.341.537.734.620		(1.308.125.931.470)	130.061.654	344.390.316.724	
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	30.381.276.504	180.802.776.640	-	(121.520.795.237)	-	89.663.257.907	
Vay ngắn hạn các cá nhân	31.475.000.000	192.632.250.000	-	(141.681.000.000)	-	82.426.250.000	
Trái phiếu thường ngắn hạn		103.939.995.939	-	(4.745.225.682)	-	99.194.770.257	
Vay dài hạn đến hạn trả	19.585.871.000	-	6.973.060.000	(10.797.371.283)	(8.697.987)	15.752.861.730	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	7.508.995.882	-	-	7.508.995.882	
Cộng	392.290.599.424	1.818.912.757.199	14.482.055.882	(1.586.870.323.672)	121.363.667	638.936.452.500	



Lữ Hồng Lam
 Người lập



Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng



Cà Mau ngày 31 tháng 3 năm 2020



Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích có đóng không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(74.528.354.961)	50.000.000	59.729.208.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	80.720.777.026	47.575.405	80.768.352.431
Điều chỉnh khoản chênh lệch tiền thuế TNDN các năm trước	-	-	-	(4.079.491.590)	-	(4.079.491.590)
Tặng/(Giảm) do hợp nhất kinh doanh trong năm trước	-	-	-	(4.153.424)	2.004.153.424	2.000.000.000
Số dư cuối năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	2.108.777.051	2.101.728.829	138.418.069.716
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	-	1.995.223.836	2.108.777.051	2.101.728.829	138.418.069.716
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	41.138.984.390	36.611.058.372	77.750.042.762
Trích lập các quỹ	-	-	-	(16.000.000.000)	-	(16.000.000.000)
Tặng trong năm	-	5.106.126.126	-	-	1.693.873.874	6.800.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông riêng lẻ	-	-	-	-	138.200.000.000	138.200.000.000
Tặng/(giảm) do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh năm nay	-	-	-	(1.348.227.420)	648.211.479	(700.015.941)
Số dư cuối năm nay	132.212.340.000	5.106.126.126	1.995.223.836	25.899.534.021	179.254.872.554	344.468.096.537

(Handwritten signature)

Lữ Hồng Lam
 Người lập biểu



Cà Mau ngày 31 tháng 3 năm 2020

(Large handwritten signature)

Nguyễn Trọng Hà
 Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường
 Phó Tổng Giám đốc





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn